

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016

*(Kèm theo công văn số 5505 /BNN-KH ngày 29/6/2016
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

I. BỐI CẢNH

Ngành Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện kế hoạch năm 2016 được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp tích cực của các cấp, các ngành và sự cố gắng, nỗ lực của toàn ngành trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; đồng thời, triển khai mạnh mẽ tái cơ cấu trên tất cả các, lĩnh vực; sự hỗ trợ kịp thời của Chính phủ trong khắc phục hậu quả của hạn hán, xâm nhập mặn, cá chết bất thường...

Tuy nhiên, sáu tháng đầu năm 2016, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, như: tình hình xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng ở các tỉnh ĐBSCL, hạn hán gay gắt xảy ra trên diện rộng, ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên làm nhiều diện tích gieo trồng không thể sản xuất do thiếu nước, vật nuôi phát triển chậm do thiếu thức ăn, nước uống¹; cá chết bất thường ở 4 tỉnh ven biển miền Trung; thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông, thủy sản sụt giảm đã tác động mạnh đến kết quả hoạt động và thực hiện kế hoạch của toàn ngành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2016 giảm **0,18%**², trong đó trong nông nghiệp giảm 0,78%, lâm nghiệp tăng 5,75%, thủy sản tăng 1,25%; Giá trị sản xuất NLTS (theo giá so sánh năm 2010) 6 tháng đầu năm 2016 ước đạt 397,4 nghìn tỷ đồng, giảm 0,1% so với

¹ Tính đến ngày 24/6/2016: tình hình hạn hán, xâm nhập mặn kéo dài đã làm khoảng 368.922 hộ dân thiếu nước sinh hoạt; 249.620 ha lúa, 19.203 ha hoa màu, 37.369 ha cây ăn quả tập trung, 163.768 ha cây lâu năm; 6.942 ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại; 5.571 con gia súc, gia cầm bị chết,... Tổng thiệt hại ước tính khoảng 142.144 tỷ đồng.

² Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2015 đạt 2,36%; 6 tháng đầu năm 2014 đạt 2,96 %, năm 2013 đạt 2,14 %;

cùng kỳ năm 2015. Trong đó: nông nghiệp đạt 297,2 nghìn tỷ đồng, giảm 0,7 % (cùng kỳ tăng 1,95%), cụ thể: trồng trọt đạt 203,3 nghìn tỷ đồng, giảm 3%, chăn nuôi đạt 88,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7%; lâm nghiệp đạt 13,3 nghìn tỷ đồng tăng 5,8% (cùng kỳ tăng 8,3%), thủy sản đạt 86,9 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% (cùng kỳ tăng 3,45%).

Kết quả trên các lĩnh vực cụ thể như sau:

1. Sản xuất

1.1. Sản xuất trồng trọt bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, tăng trưởng giảm

Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân cả nước đạt 3.081,5 nghìn ha (-31,1 nghìn ha so với năm 2015), năng suất đạt 62,9 tạ/ha (-3,6 tạ/ha), sản lượng ước đạt 19,37 triệu tấn, giảm 1,326 triệu tấn (-6,4%) so với vụ Đông Xuân năm 2015. Trong đó, các tỉnh phía Bắc đã thu hoạch được 859,7 nghìn ha (chiếm 74% diện tích gieo cấy và giảm 185,8 nghìn ha so với cùng kỳ), năng suất đạt 62,6 tạ/ha (tăng 0,5 tạ/ha), sản lượng ước đạt 7,22 triệu tấn (tăng 14,4 nghìn tấn). Các tỉnh phía Nam đã thu hoạch xong 1.926,7 nghìn ha (giảm 23,9 nghìn ha), năng suất đạt 63 tạ/ha (giảm 6,1 tạ/ha), sản lượng đạt 12,15 triệu tấn (giảm 1,34 triệu tấn); riêng vùng ĐBSCL sản lượng đạt xấp xỉ 10 triệu tấn, giảm 1,14 triệu tấn so với cùng kỳ (-10,2%), Tây Nguyên đạt 418 nghìn tấn, giảm 64 nghìn tấn (-13,3%), Duyên hải miền Trung đạt 1,31 triệu tấn, giảm 132 nghìn tấn (-9,2%).

Tính đến trung tuần tháng 6, các địa phương đã xuống giống được 1.816 nghìn ha lúa Hè Thu, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng ĐBSCL xuống giống được 1.521,5 nghìn ha, tăng 2,9% so với cùng kỳ.

Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, các địa phương đã hướng dẫn nông dân chuyển đổi được 32 nghìn ha (các tỉnh phía Bắc: 10 nghìn ha, DHNTB và Tây Nguyên: 13,9 nghìn ha, ĐBSCL: khoảng 8,3 nghìn ha) sang trồng rau, màu, cây CNNN. Nhiều địa phương đã tích cực mở rộng mô hình “cánh đồng lớn” không chỉ trên lúa mà còn trên các đối tượng cây rau màu khác. Tổng diện tích áp dụng mô hình “cánh đồng lớn” trong vụ Đông Xuân năm nay đạt trên 164 nghìn ha, trong đó các tỉnh phía Bắc: 34 nghìn ha, tăng 7 nghìn ha, các tỉnh phía Nam: 130,3 nghìn ha, tương đương vụ ĐX năm trước, diện tích ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm đạt 94.776 ha, tăng 33.067 ha so với vụ Đông Xuân 2014 – 2015.

Các loại cây trồng ngắn ngày Vụ Đông Xuân cũng có diện tích và sản lượng giảm so với cùng kỳ năm trước: Ngô đạt 466,2 nghìn ha, giảm 8,5 nghìn ha (-1,8%), sản lượng đạt 2.048 nghìn tấn, giảm 25 nghìn tấn (-1,2%); khoai lang đạt 76,1 nghìn ha, giảm 8,8%, sản lượng đạt 765,4 nghìn tấn, giảm 91,7 nghìn tấn (-10,7%); đậu tương đạt 39,6 nghìn ha, giảm 13,4 nghìn ha (25,3%), sản lượng đạt 58,9 nghìn, giảm 17,4 nghìn tấn (-22,8%) so với cùng kỳ năm 2015. Riêng lạc diện tích (đạt 143,9 nghìn ha) giảm 1,3 nghìn ha, nhưng năng suất tăng (đạt 24,7 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha) nên sản lượng đã đạt 355,2 nghìn tấn, tăng 2,5 nghìn tấn (+0,7%); mía đường ép được 12,88 triệu tấn mía (giảm 1,51 triệu tấn), sản xuất được khoảng 1,23 triệu tấn đường (giảm 182,7 nghìn tấn).

Đối với các cây công nghiệp dài ngày, chủ yếu tập trung thâm canh diện tích sẵn có, trồng mới không nhiều; tập trung trồng tái canh cây cà phê, cải tạo vườn điều, vườn cao su. Một số cây có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước: chè tăng 0,4%; cao su tăng 1,7%; hồ tiêu tăng 5,6%. Điều giảm nhẹ (1,4%). Một số cây ăn quả có sản lượng giảm: cam giảm 6,5%; nhãn giảm 7,6%; vải giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2015 do người dân cải tạo vườn cây, giảm diện tích già cỗi.

1.2. Chăn nuôi

Sáu tháng đầu năm, dịch bệnh trên vật nuôi được khống chế tốt, không xảy ra dịch nặng trên diện rộng³, cộng với sức mua tăng, giá sản phẩm chăn nuôi tăng (giá thịt lợn hơi siêu nạc tại miền Bắc khoảng 52 - 53 nghìn đ/kg, miền Nam khoảng 51 nghìn đ/kg; giá thịt gà lông màu tại miền Bắc khoảng 55-60 nghìn đ/kg, miền Nam khoảng 39-41 nghìn đ/kg, cao hơn cùng kỳ 2015); giá thức ăn chăn nuôi giảm (thức ăn hỗn hợp cho lợn giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng 9.300 đ/kg, giảm 2,1% so với cùng kỳ), nên sản xuất chăn nuôi phát triển khá tốt; đàn gia súc, gia cầm phát triển nhanh. Đàn vật nuôi được điều chỉnh theo hướng phát triển các vật nuôi có thị trường và giá trị cao. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tính đến tháng 6: cả nước có 5,34 triệu con bò, tăng 1,6%, trong đó đàn bò sữa đạt 279 nghìn con, tăng 26 nghìn con; đàn lợn có 28,3 triệu con, tăng 3,9%; đàn gia cầm có 341,5 triệu con, tăng 4,4% so với cùng kỳ; riêng đàn trâu (có 2,52 triệu con) giảm khoảng 1,1%. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 2.915,4 nghìn tấn, tăng 4,1%, trong đó thịt bò đạt 183,4 nghìn tấn, tăng 2%, thịt lợn hơi đạt 2.150 nghìn tấn, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2015.

1.3. Lâm nghiệp

6 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 86,9 nghìn ha, tăng 2,2%, trong đó trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 3,5 nghìn ha, giảm 18%; trồng mới rừng sản xuất đạt 83,4 nghìn ha, tăng 3,3%. Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 351 nghìn ha, bằng 97,5%; rừng được giao khoán bảo vệ đạt 4.710 nghìn ha, bằng 98%; diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh 605 nghìn ha, bằng 100% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 3.844 nghìn m³ (99,6% gỗ từ rừng trồng), tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2015.

Công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng tiếp tục được Bộ và các địa phương quan tâm chỉ đạo, tăng cường lực lượng tại các điểm trọng yếu. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thời tiết khô hanh kéo dài nên đã xảy ra cháy rừng tại một số địa phương, tập trung ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Tính đến 23/6/2016, diện tích rừng bị thiệt hại là 3.311 ha, tăng 2078 ha so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 2.713 ha (tăng 2.051 ha), diện tích rừng bị phá trái phép là 558 ha (giảm 6%). Lũy kế 6 tháng, cả nước có 9.270 vụ vi phạm pháp luật về BV và PT rừng, giảm 338 vụ (-4%) so với cùng kỳ năm trước, đã xử lý 6.798 vụ (giảm 132 vụ)⁴.

³ Đến 30/5, cả nước không còn Cúm gia cầm, có 1 ổ dịch LMLM tại Thành Hóa, 02 ổ dịch tại Xanh tại Quảng Trị chưa qua 21 ngày.

⁴ Nguồn số liệu Cục Kiểm Lâm – Tổng cục Lâm nghiệp

1.4. Thủy sản

Thời tiết và ngư trường khá thuận lợi cho hoạt động khai thác thủy sản, cộng với giá xăng dầu và giá hải sản nguyên liệu tương đối ổn định, đã kích thích ngư dân tăng cường sản xuất. Tuy nhiên, tình hình Biển Đông luôn diễn biến phức tạp và sự cố ô nhiễm biển; tình trạng cá chết bất thường tại 4 tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động khai thác hải sản của ngư dân⁵. Bộ và các địa phương đã tích cực triển khai chính sách hỗ trợ cả cho khôi phục sản xuất trước mắt và lâu dài (Nghị định 67/2014/NĐ-CP và 89/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định 772/QĐ-TTg về hỗ trợ khẩn cấp cho người dân bị thiệt hại). Đồng thời, hướng dẫn ngư dân, ngư trường đánh bắt và pháp luật trên biển nên hoạt động khai thác được tiếp tục phát triển. Sản lượng khai thác 6 tháng đầu năm 2016 ước đạt 1,54 triệu tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2015.

Hoạt động nuôi trồng cũng bị ảnh hưởng mạnh do ô nhiễm nguồn nước, khô hạn và xâm nhập mặn. Riêng ĐBSCL đã có 81 nghìn ha NTTS bị ảnh hưởng, người dân đã hạn chế thả giống nên sản xuất giống tôm nước lợ gặp khó khăn. Cộng với, thị trường tiêu thụ cũng gặp khó khăn do một số thị trường lớn giảm nhu cầu nhập khẩu, một số nước đưa ra các yêu cầu kỹ thuật cao hơn trước đây, các cảnh báo về chất lượng đối với một số lô hàng hải sản xuất khẩu của Việt Nam... Mặc dù, Bộ đã phối hợp với các Bộ ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, kịp thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp để thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, đẩy mạnh đàm phán mở rộng thị trường, xử lý các yêu cầu kỹ thuật của phía nhập khẩu nhưng nuôi trồng thủy sản vẫn chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, ước sản lượng đạt 1,58 triệu tấn, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2015.

Tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm ước đạt 3,13 triệu tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2015.

1.5. Sản xuất muối

Tính đến ngày 20/6, diện tích sản xuất muối cả nước ước đạt 14.797 ha; sản lượng ước đạt 995,5 nghìn tấn, giảm 0,7% so với cùng kỳ 2015, trong đó: muối sản xuất thủ công đạt 765 nghìn tấn; muối sản xuất công nghiệp đạt 230 nghìn tấn. Lượng muối tồn trong diêm dân và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến ước đạt 851,7 nghìn tấn, tăng 42,4% so với cùng kỳ 2015, trong đó tồn trong diêm dân là 492,7 nghìn tấn.

2. Tình hình tiêu thụ

Sáu tháng đầu năm, toàn ngành đã tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng sản xuất; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và khuyến khích tiêu

⁵ Theo số liệu Thống kê: Sản lượng thủy sản khai thác của Hà Tĩnh 6 tháng đầu năm giảm 16 nghìn tấn (giảm 6%); Quảng Bình giảm 23,6 nghìn tấn (giảm 8,7%); Quảng Trị giảm 16 nghìn tấn (giảm 14,3%), Thừa Thiên - Huế giảm 13,3 nghìn tấn (giảm 30%).

dùng nội địa; phối hợp tổ chức nhiều hoạt động kết nối cung cầu, liên kết chuỗi giá trị nông sản; tổ chức hội chợ, các Phiên chợ nông sản, thực phẩm an toàn và đẩy mạnh truyền thông Địa chỉ xanh – Nông sản sạch; mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; tổ chức các Hội nghị ngành hàng (Cà phê - Ca cao, sản phẩm làng nghề...), hội nghị hoặc diễn đàn đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn.

Giải quyết linh hoạt, hiệu quả các rào cản kỹ thuật; đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương⁶ để mở cửa thị trường xuất khẩu các sản phẩm nông sản hàng hóa... Vì vậy, xuất khẩu vẫn duy trì được đà tăng trưởng mặc dù giá xuất khẩu nhiều mặt hàng giảm.

Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành 6 tháng ước đạt **15,04 tỷ USD**, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 7,32 tỷ USD, tăng 5,1%, tăng ở các mặt hàng: Cà phê (+17,6%), hạt điều (+11,1%), tiêu (+6,6%), rau quả (+37,5%), một số mặt hàng có kim ngạch giảm đó là: sắn (-30,6%), cao su (-11,9%), gạo (-5,9%), chè (-2,7%); giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 3,01 tỷ USD, tăng 3,8%; Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản chính ước đạt 3,32 tỷ USD, tương đương cùng kỳ năm 2015.

Giá trị nhập khẩu NLTS và vật tư nông nghiệp 6 tháng ước đạt 10,66 tỷ USD, giảm 8,7% so với năm cùng kỳ năm 2015. Trong đó, nhập khẩu một số mặt hàng chính đạt 7,65 tỷ USD, giảm 12,8%.

Thặng dư thương mại toàn ngành đạt **4,38 tỷ USD**, tăng 43,6% so với cùng kỳ (3,05 tỷ USD).

3. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Chuyển sang giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có sự điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ và các hợp phần. Vì vậy, 6 tháng qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Bộ, ngành địa phương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình. Đồng thời, ban hành Tiêu chí huyện NTM và quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016); rà soát, điều chỉnh Bộ tiêu chí NTM cấp xã giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của NS địa phương thực hiện Chương trình...

Các địa phương tiếp tục hoàn thiện hệ thống Văn phòng Điều phối các cấp. Đến nay, 100% Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh đã được kiện toàn; 53/63 tỉnh/thành phố đã thành lập Văn phòng NTM cấp huyện; 24/63 tỉnh, thành phố đã bố trí cán bộ chuyên trách cho 2.740 xã. Quy định về thành lập Văn phòng Điều

⁶ Đến nay, Cơ quan Thanh tra An toàn thực phẩm Hoa Kỳ đã chấp thuận 54 cơ sở chế biến cá tra và sản phẩm cá tra của Việt Nam được phép xuất khẩu vào Hoa Kỳ trong giai đoạn chuyển tiếp; Trung Quốc đã công nhận bổ sung 15 cơ sở nuôi tôm sú, tôm thẻ được xuất khẩu tôm sống vào Trung Quốc; Indonesia đã công nhận 10 phòng kiểm nghiệm của Việt Nam triển khai phân tích và cấp giấy chứng nhận phân tích đối với thực phẩm tươi sống nguồn gốc thực vật từ Việt Nam vào Indonesia...

phối NTM cấp huyện đã trở thành một tiêu chí bắt buộc trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Chương trình MTQG xây dựng NTM là chương trình duy nhất có bộ máy giúp việc đồng bộ và thống nhất ở tất cả các cấp từ Trung ương đến địa phương (tỉnh, huyện, xã), có 85% số thôn/ấp trên cả nước đã thành lập Ban Phát triển thôn.

Hiện, các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị đang tích cực, chủ động triển khai thực hiện Chương trình huy động nguồn lực xã hội cho Chương trình; theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, 6 tháng đầu năm cả nước đã huy động được 263.127 tỷ đồng từ các nguồn lực để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách Trung ương đã bố trí 7.374 tỷ đồng (*bao gồm: vốn TPCP: 4.500 tỷ đồng, vốn ĐTPT: 1.410 tỷ đồng, Sự nghiệp: 1.464 tỷ đồng*).

Đến hết tháng 5, cả nước đã có 1965 xã (22%) đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 4,9% so với cuối năm 2015); còn 326 xã đạt dưới 5 tiêu chí (3,65%). Bình quân cả nước đạt 13,0 tiêu chí/xã, tăng 8,3 tiêu chí so với năm 2010 và 3,0 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2015; có 23 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định công nhận đạt chuẩn NTM (tăng thêm 8 huyện so với cuối năm 2015), còn 10 huyện⁷ đang đề nghị công nhận đạt chuẩn NTM.

- Về thực hiện các Chương trình giảm nghèo và PTNT khác

Sáu tháng đầu năm, toàn ngành đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình 135 giai đoạn III và các nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, trong đó tập trung các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 và Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để tổng hợp, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung các chính sách và giải pháp ổn định dân di cư tự do;

Thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề theo thể mạnh của địa phương, gắn với xây dựng nông thôn mới.

4. Phát triển thủy lợi, phòng chống thiên tai

6 tháng đầu năm, công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai đã thực hiện khối lượng công việc rất lớn: tập trung theo dõi diễn biến thời tiết, nguồn nước và điều tiết nước phục vụ tốt cho sản xuất ở miền Bắc; tập trung nguồn lực cho công tác công tác phòng chống, giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh miền Trung, Tây nguyên và vùng ĐBSCL; phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ TNMT theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn nước thượng nguồn sông Mê Kông, đánh giá ảnh hưởng đến ĐBSCL, thông báo, chỉ đạo các địa phương chủ động vận hành hệ thống công trình thủy lợi lấy nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

⁷ Phú Quý (Bình Thuận), Tân Hiệp (Kiên Giang), Dầu Tiếng, TX Tân Uyên (Bình Dương), Cần Giở, Bình Chánh (TP.HCM), Bình Xuyên (Vĩnh Phúc); Hoài Đức, Thanh Trì, Đông Anh (Hà Nội).

Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn, xâm nhập mặn; xây dựng kế hoạch điều tiết các hồ chứa thủy điện, chỉ đạo thực hiện các biện pháp công trình để bổ sung nước cho hạ du phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành chính sách và mức hỗ trợ thiệt hại do thiên tai cho người dân.

Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng và triển khai Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; rà soát đánh giá lại nhiệm vụ của các hệ thống thủy lợi lớn trong toàn quốc, triển khai hiện đại hóa thủy lợi các vùng miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, ĐBSCL; điều chỉnh quy hoạch phục vụ cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ, ưu tiên khu vực ĐBSCL và Duyên hải Trung bộ. Triển khai các quy trình công nghệ, mô hình tổ chức và chính sách quản lý khai thác công trình thủy lợi⁸.

Tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn hồ chứa nước, quản lý đề điều và chuẩn bị sẵn sàng các phương án và điều kiện vật chất cho phòng chống lụt bão; tham mưu kiện toàn bộ máy và phân công nhiệm vụ các thành viên BCD.TW về Phòng chống thiên tai; hoàn thiện Quy chế phối hợp cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo PCTT; Quy định về chế độ báo cáo, ban hành công điện và tổ chức họp BCD. Tổ chức trực ban theo dõi, chỉ đạo công tác PCTT ...

Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, hướng dẫn công tác quản lý an toàn đập và một số định mức kinh tế - kỹ thuật; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện Lập quy trình vận hành hồ chứa, kiểm định an toàn đập, lập phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du, phương án bảo vệ đập, kiểm tra công trình trước lũ...

5. Công tác quản lý chất lượng và vệ sinh ATTP

Năm 2016, công tác quản lý chất lượng, vệ sinh ATTP tiếp tục được ngành coi trọng, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, nên Bộ và các địa phương đã chỉ đạo sát sao nhằm từng bước giải quyết các vấn đề bức xúc trong nước và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các thị trường nhập khẩu. Sáu tháng đầu năm đã triển khai khối lượng công việc khá lớn, tạo sự chuyển biến tích cực, cụ thể:

Tiếp tục rà soát, sửa đổi hệ thống cơ chế chính sách quy định liên quan đến chất lượng và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật.

Thực hiện nhiệm vụ của ngành trong Chương trình MTQG về An toàn thực phẩm, tăng cường quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm NLTS, kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm NLTS theo Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011; tổ chức các đoàn kiểm tra về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm và điều kiện đảm bảo ATTP tại một số cơ sở xuất khẩu sản phẩm có nguồn gốc thực vật, động vật sang Việt Nam theo Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011 và Thông tư

⁸ Hoàn thành bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối đập đất; hồ chứa nước thủy lợi, đề biện an toàn cao cho vùng bờ biển Việt Nam.

số 25/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2010, kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu theo Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013.

Tổ chức triển khai Chương trình cung cấp sản phẩm nông sản, thủy sản an toàn cho TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Bộ đã phát động đợt cao điểm hành động đảm bảo ATTP, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, Bộ Y tế và lực lượng quản lý thị trường tăng cường thanh tra các cơ sở sản xuất, tiêu thụ nông sản và vật tư nông nghiệp, xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm. Đến nay, tình trạng vi phạm luật pháp về chất lượng vật tư, ATTP đã có nhiều chuyển biến tích cực⁹.

Để xử lý vấn đề cá chết bất thường và đánh giá mức độ ATTP đối với sản phẩm muối tại một số địa phương khu vực miền Trung, Bộ đã cùng các địa phương tổ chức lấy mẫu hải sản, mẫu muối ăn để phân tích, công bố và đề xuất giải pháp xử lý; kết quả, các mẫu muối đều đạt yêu cầu về chỉ tiêu kim loại nặng, một số mẫu thủy sản có mức vượt ngưỡng trung bình.

Ngoài ra, đã tiếp tục tập trung giải quyết vướng mắc về rào cản ATTP của các thị trường và đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp xuất khẩu; tích cực đàm phán, thỏa thuận với các nước nhập khẩu công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chất lượng tạo thuận lợi cho xuất khẩu nông sản.

6. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, nông lâm trường quốc doanh, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; các Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 6/3/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 phê duyệt Đề án Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ đã tích cực chỉ đạo và triển khai thực hiện CPH doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo đúng tiến độ đề ra¹⁰.

⁹ Sáu tháng đầu năm 2016, đã tổ chức kiểm tra định kỳ 80 cơ sở sản xuất thủy sản xuất khẩu, trong đó 21 cơ sở xếp hạng 1; 47 cơ sở xếp hạng 2, 11 cơ sở xếp hạng 3 và 01 cơ sở xếp hạng 4.

¹⁰ Đến tháng 6/2016, TCT Lâm nghiệp Việt Nam đã cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ và 6 công ty con, triển khai bán cổ phần lần đầu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, chuẩn bị Đại hội cổ đông lần đầu để chuyển sang công ty cổ phần; TCT Vật tư nông nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa, đang triển khai thực hiện bán cổ phần lần đầu; TCT Lương thực miền Nam đã triển khai xong việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa; Tập đoàn Cao su Việt Nam đã cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ và 20 công ty con, đang triển khai xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án cổ phần hóa; TCT Chè Việt Nam, TCT Rau quả nông sản đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp lần 2, bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Các TCT Mía đường II, Chăn nuôi và Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Ngô VN đang triển khai thoái vốn NN. Đang triển khai CPH các doanh nghiệp thuộc một số Viện, Trường

Tiếp tục thẩm định phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp¹¹; chỉ đạo các tổng công ty, công ty đã CPH hoàn thiện hồ sơ chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước....

Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi HTX nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã 2012, phát triển HTX và kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp; triển khai Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu và đề xuất bổ sung nội dung về HTX nông nghiệp vào Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã 2012;

Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản trong sản xuất nông nghiệp; xây dựng Thông tư hướng dẫn hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đối với HTX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014...

7. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Việc phân giao kế hoạch vốn đầu tư đã thực hiện đúng Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ Kế hoạch Đầu tư, Tài chính. Trong phân bổ kế hoạch vốn đã tập trung đầu tư vốn cho các công trình dở dang, các dự án cấp bách, quan trọng, các công trình phục vụ tái cơ cấu ngành.

Đồng thời, chỉ đạo các Chủ đầu tư đăng ký và cam kết tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đã được phân bổ; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đáp ứng yêu cầu thâm canh cây trồng, nuôi trồng thủy sản và nghề muối, cấp thoát nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng NLTS trong đó có hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, chọn tạo và nhân giống, cơ sở hạ tầng kiểm soát chất lượng sản phẩm NLTS; phối hợp với các địa phương tổ chức thực hiện tốt công tác đền bù hỗ trợ tái định cư để có mặt bằng thi công theo tiến độ các dự án... Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý tư vấn trong các dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ do Bộ quản lý (Chỉ thị số 3029/CT-BNN-XD ngày 15/4/2016); phối hợp với các Bộ, ngành địa phương liên quan chuẩn bị các dự án, thu hút các nguồn lực, nhất là ODA để triển khai các dự án lớn, trọng điểm phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Năm 2016, vốn đầu tư phát triển Bộ được giao là 12.041 tỷ đồng, bao gồm: 8.356 tỷ đồng vốn ngân sách nhà nước (*vốn trong nước: 2.610 tỷ đồng, vốn nước ngoài 5.747 tỷ đồng*); 3.684 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ). Đến 20/6/2016, ước thực hiện đạt 4.964 tỷ đồng, bằng 41,2% kế hoạch, giải ngân đạt 4.512 tỷ

¹¹ Đã thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông lâm nghiệp thuộc UBND Tp HCM; đang đôn đốc UBND Tp Hà Nội, Cần Thơ hoàn thiện phương án để gửi Bộ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ; tổ chức đoàn công tác làm việc với các địa phương để nắm bắt tình hình, đôn đốc triển khai thực hiện.

đồng, bằng 37,5 % kế hoạch, trong đó thực hiện vốn ngân sách nhà nước ước đạt 3.466 tỷ đồng, bằng 41,5% kế hoạch, giải ngân đạt 3.195 tỷ đồng, bằng 38,2% kế hoạch (*vốn trong nước thực hiện đạt 366 tỷ đồng, bằng 16,8% kế hoạch, giải ngân đạt 268 tỷ đồng, bằng 12,3% kế hoạch; vốn nước ngoài đạt 2.765 tỷ đồng, bằng 48,1 % kế hoạch, giải ngân đạt 2.619 tỷ đồng, bằng 45,6% kế hoạch*); Vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện ước đạt 1.498 tỷ đồng, bằng 40,7% kế hoạch, giải ngân đạt 1.317 tỷ đồng, bằng 35,7% kế hoạch. Tỷ lệ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư giao Bộ quản lý còn chậm; một số dự án thực hiện rất chậm (Dự án Hồ chứa nước Krông Buk Hạ; kênh hồ Cửa Đạt; hệ thống tiêu úng Đông Sơn; HTTL Bắc Bến Tre; HTTL phục vụ NTTS Tầm Vu Lộ, huyện Cầu Ngang; Nâng cấp HTTL phục vụ NTTS huyện Cao Lãnh, Châu Thành; XD, cải tạo hệ thống cung cấp nước sạch và xử lý nước thải Trường CĐ nghề cơ điện và thủy lợi; XD Trung tâm KNKC và tư vấn chất lượng NLTS; ...).

8. Công tác nghiên cứu và quản lý hoạt động khoa học

Năm 2016, Bộ đã tập trung nguồn lực về khoa học công nghệ và khuyến nông đối với các sản phẩm chủ lực của ngành, khả năng xuất khẩu cao, đặt hàng trực tiếp cho các tổ chức nghiên cứu đến sản phẩm cuối cùng. Ưu tiên việc áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, kỹ thuật thâm canh tiên tiến để giảm chi phí đầu vào và tăng giá trị gia tăng của sản phẩm.

Sáu tháng đầu năm 2016, đã tập trung vào giải quyết các vấn đề bức xúc trong thực tiễn sản xuất như: cơ cấu giống, cải tiến các giống năng suất, chất lượng, quy trình tái canh cà phê, thâm canh điều, công nghệ kỹ thuật tưới tiết kiệm nước. Tập trung triển khai các nhiệm vụ KHCN có ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin; xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định về chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đề nghị thẩm định: 44 tiêu chuẩn và 10 quy chuẩn; đề nghị công bố: 23 tiêu chuẩn; đã công bố: 03 tiêu chuẩn...

Hoạt động khoa học công nghệ đang triển khai thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ chế quản lý, tăng tính tự chủ cho các cơ sở khoa học và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia tích cực vào hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ.

9. Hợp tác quốc tế

Trong 6 tháng đầu năm, các hoạt động hợp tác quốc tế, đàm phán về thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT được triển khai tích cực: đã tổ chức Hội thảo khu vực về việc áp dụng đạo luật Farm Bill 2014 của Hoa Kỳ liên quan tới sản xuất và xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ; tiến hành ký kết các dự án đã đàm phán cuối năm 2015; phối hợp với UN huy động nguồn hỗ trợ của cộng đồng quốc tế ứng phó khẩn cấp tình hình hạn, mặn khu vực Trung Bộ và ĐBSCL (Việt Nam kêu gọi cộng đồng quốc tế hỗ trợ khẩn cấp 48,5 triệu USD); phối hợp đề xuất dự án hỗ trợ kỹ thuật “Tái cấu trúc ngành lúa gạo Việt Nam theo hướng gia tăng chuỗi giá trị và phát triển bền vững”; hợp tác với các nước tiểu vùng Mê Công thông qua hoạt động hợp tác của Nhóm công tác

nông nghiệp dưới sự tài trợ của ADB; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các cam kết trong các FTAs Việt Nam đã tham gia.

Sáu tháng đầu năm, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm trong lĩnh vực NLTTS là 53,1 triệu USD với 8 dự án cấp mới và 8 dự án tăng vốn, tăng 86,5% về vốn đầu tư và 62,5% về số dự án so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, đầu tư FDI vào ngành còn khiêm tốn (chỉ chiếm 1,2% tổng vốn đầu tư và 0,052% tổng số dự án FDI vào Việt Nam); các lĩnh vực thu hút FDI chủ yếu là trồng trọt, thủy sản và chế biến nông, lâm sản. Bộ Nông nghiệp và PTNT đang nghiên cứu, kiến nghị Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh thu hút đầu tư FDI vào nông nghiệp, nông thôn.

Tích cực triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế hỗ trợ cho xuất khẩu nông sản: xây dựng các phương án đàm phán chuẩn bị cho các phiên đàm phán Hiệp định TPP, Việt Nam - EU, Việt Nam - EFTA, RCEP.... Tổng hợp các thông báo và cảnh báo từ các đối tác thương mại và các nước thành viên WTO; cung cấp thông tin và trả lời yêu cầu liên quan đến các quy định SPS của Việt Nam.

Tham gia giải quyết tranh chấp thương mại: thảo luận với Hoa Kỳ về các nội dung liên quan tới Chương trình thanh tra cá da trơn trong Farm Bill 2014, đến nay Thượng viện Hoa Kỳ đã chính thức bỏ phiếu phủ quyết đối với Chương trình giám sát cá da trơn của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ...

10. Phát triển nguồn nhân lực

Để triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2014-2020”, Bộ đã ban hành kế hoạch năm 2016 về thực hiện Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức ngành Nông nghiệp & PTNT năm 2016 (các Chương trình đặc thù) lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp, hợp tác và phát triển nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản... Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ tổ chức thực hiện Quyết định số 386/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/1/2015 ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng Quy hoạch hệ thống cơ sở đào tạo thuộc Bộ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp...

11. Nâng cao năng lực, thể chế và hiệu quả quản lý ngành

- Công tác xây dựng văn bản pháp luật:

Căn cứ Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ năm 2016, Bộ đã tích cực chỉ đạo các đơn vị đẩy nhanh tiến độ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch đã đề ra. Trong 6 tháng đầu năm 2016, Bộ phải trình Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền là 46 văn bản. Đến nay, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 Quyết định, Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền 07 Thông tư; đã trình Chính phủ 01 dự án Luật, 02 dự án Pháp lệnh, 05 dự thảo Nghị định; trình Thủ tướng Chính phủ 02 dự thảo Quyết định và trình Bộ trưởng 02 dự thảo Thông tư.

- Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh:

Sáu tháng đầu năm 2016, Bộ tiếp tục thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và kế hoạch năm 2016 đã đề ra, triển khai Kế hoạch CCHC nhà nước cụ thể của Bộ giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ thực thi các nhiệm vụ. Cải cách hành chính được thực hiện mạnh mẽ, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là xây dựng, ban hành và áp dụng quy trình ISO hoá trong giải quyết công việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh và đầu tư, hoàn thiện thể chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành.

Triển khai Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 28/4/2016 và các Nghị quyết 19 năm 2014, 2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020; nhất là tập trung rà soát các đề xuất đầu tư, kinh doanh không còn phù hợp hoặc gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp để xóa bỏ. Xây dựng và trình Chính phủ Nghị định quy định điều kiện đầu tư trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT phù hợp với Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

Các thủ tục hành chính đã được công khai hoá và đang tiếp tục được điều chỉnh theo hướng ngày càng đơn giản, dễ tiếp cận và không phân biệt đối xử đối với các thành phần kinh tế. Hiện, trên Cổng thông tin điện tử của Bộ đã công khai 622 thủ tục hành chính công của Bộ, ngành; trong đó có 609 dịch vụ công mức độ 2; 4 dịch vụ mức độ 3, đã triển khai 9 thủ tục hành chính thực hiện hải quan 1 cửa quốc gia cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Sáu tháng đầu năm 2016, bộ phận một cửa tại các đơn vị đã tiếp nhận, xử lý 82.092 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó có 8.435 hồ sơ thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia.

Các quy định quản lý xuất, nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành cũng đang được rà soát, sửa đổi, bổ sung theo hướng minh bạch, cải thiện môi trường kinh doanh và phù hợp với cam kết quốc tế, tháo gỡ nhiều khó khăn, ách tắc trước đây cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng NLTS¹². Đặc biệt, để triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng CP tại Hội nghị với doanh nghiệp ngày 29/4/2016, Bộ đang chỉ đạo rà soát các thủ tục hành chính, các quy định về điều kiện sản xuất kinh doanh để sửa đổi theo hướng đơn giản nhất.

¹² Kịp thời trả lời, tháo gỡ khó khăn theo kiến nghị của doanh nghiệp tại các hội nghị, diễn đàn với doanh nghiệp, như Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF) cuối kỳ năm 2015, tại Hội nghị của TTgCP với doanh nghiệp năm 2016, tại Hội nghị của Bộ trưởng Nông nghiệp và PTNT với doanh nghiệp đầu năm 2016.

*** Đánh giá chung:**

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn nhưng 6 tháng đầu năm toàn ngành đã đạt nhiều kết quả; tái cơ cấu tiếp tục được triển khai thực hiện trên tất cả các lĩnh vực; sản xuất chăn nuôi, lâm nghiệp duy trì tăng trưởng khá; tăng trưởng toàn ngành đã được cải thiện ở Quý II (Quý I/2016 giảm 1,32%, Quý II tăng 0,36%). Trong điều kiện thị trường nông sản thế giới giảm sút nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành vẫn đạt **15,04 tỷ USD**, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2015; công tác thủy lợi đã làm tốt nhiệm vụ điều tiết nước cho sản xuất và thực hiện các giải pháp, chính sách hỗ trợ, giảm nhẹ thiệt hại cho các địa phương và người dân trong vùng bị ảnh hưởng bởi hạn hán và xâm nhập mặn; công tác cải cách hành chính mà trọng tâm là cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã được quan tâm chỉ đạo và thực hiện ở tất cả các đơn vị; hoạt động nghiên cứu khoa học và khuyến nông, đào tạo nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế và tổ chức bộ máy quản lý ngành đã thực hiện được khối lượng công việc lớn. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được sự quan tâm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân. Những nỗ lực đó đã góp phần quan trọng giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp tục nâng cao đời sống nông dân, ổn định chính trị xã hội.

Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2016 ngành nông nghiệp và PTNT cũng còn một số hạn chế, đó là:

(1) Tốc độ tăng trưởng ngành chưa đạt mức kế hoạch đề ra; đây là lần đầu tiên, toàn ngành không có tăng trưởng trong 6 tháng;

(2) Triển khai thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành chưa được đồng bộ, đồng đều ở các địa phương. Nhiều địa phương chưa thực sự quan tâm, triển khai chậm, chưa tạo chuyển biến rõ rệt;

(3) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm; khu vực hợp tác xã còn nhiều lúng túng trong việc thực hiện Luật HTX 2012; kinh tế hộ nhỏ lẻ ngày càng bộc lộ những hạn chế, yếu kém; nhiều doanh nghiệp nông nghiệp và nông lâm trường quốc doanh mặc dù đã được chuyển đổi nhưng chưa thể hiện được hiệu quả rõ rệt.

(4) Thực hiện vốn đầu tư XD CB chậm, một số dự án thực hiện rất chậm nhiều dự án ODA vẫn gặp khó khăn cả về giải phóng mặt bằng và vốn đối ứng của các địa phương¹³

(5) Tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM phát sinh tại nhiều địa phương, chưa có giải pháp xử lý dứt điểm (*Tổng số nợ đọng khoảng 15.000 tỷ đồng*).

(6) Tình trạng lưu thông, sử dụng các loại vật tư phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y và sử dụng chất cấm trong sản xuất thức ăn chăn nuôi đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tuy đã có những chuyển biến tích cực song vẫn còn những vụ việc gây bức xúc trong xã hội.

¹³ Dự án Hồ chứa nước Krông Buk Hạ; kênh hồ Cửa Đạt; hệ thống tiêu úng Đông Sơn; HTTL Bắc Bến Tre; HTTL phục vụ NTTS Tầm Vu Lộ, huyện Cầu Ngang; Nâng cấp HTTL phục vụ NTTS huyện Cao Lãnh, Châu Thành; XD, cải tạo hệ thống cung cấp nước sạch và xử lý nước thải Trường CD nghề cơ điện và thủy lợi; Đầu tư XD Trung tâm KNKC và tư vấn chất lượng NLTS; ...

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM

Từ những kết quả đạt được của 6 tháng đầu năm, trên cơ sở đánh giá những khó khăn và thuận lợi đối với lĩnh vực nông nghiệp và PTNT cho thấy những nhiệm vụ còn lại từ nay đến cuối năm là rất lớn, đòi hỏi toàn ngành phải tập trung nguồn lực thực hiện các Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của toàn ngành. Đồng thời, tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành, các Đề án, Kế hoạch/Chương trình tái cơ cấu cụ thể của các lĩnh vực, các địa phương đã được phê duyệt để tạo chuyển biến rõ nét trong thực tiễn.

Các nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm toàn ngành phải tập trung thực hiện như sau:

1. Triển khai quyết liệt tái cơ cấu ngành thúc đẩy sản xuất, phục hồi tăng trưởng

1.1. Trồng trọt

Thực hiện chủ trương Tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt và đẩy mạnh triển khai áp dụng Thông tư 47/2013/TT-BNNPTNT ngày 08/11/2013 của Bộ về hướng dẫn thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, chỉ đạo các địa phương chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, không chủ động tưới sang trồng các cây hàng năm (ngô, đậu tương, vừng, lạc và rau màu khác) có nhu cầu thị trường và cung cấp nguyên liệu cho sản xuất thức ăn chăn nuôi; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân giảm thiệt hại do thời tiết, sâu bệnh... chỉ đạo sản xuất sát thời vụ, tăng cường sử dụng các giống xác nhận, giống chất lượng cao trong các vụ hè thu, thu đông, vụ mùa, các biện pháp giảm chi phí sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản.

Từ nay đến cuối năm 2016, tập trung hướng dẫn khắc phục hậu quả của hạn hán và khôi phục sản xuất đối với các loại cây trồng tại các địa phương chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn; chỉ đạo sản xuất tốt vụ lúa Hè Thu, vụ Thu Đông và vụ Mùa trên cả nước; tiếp tục tăng sử dụng các giống lúa có chất lượng nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Pháp lệnh giống cây trồng sửa đổi; phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo; ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2015 ND-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Đa dạng hóa các cây rau màu, hoa, nấm ăn và nấm dược liệu theo yêu cầu thị trường; tập trung sản xuất các sản phẩm đang nhập khẩu lớn, như ngô, đậu tương làm thức ăn chăn nuôi trên cơ sở diện tích hiện có và mở rộng diện tích trên đất trồng lúa kém hiệu quả, không chủ động tưới. Nâng cao năng suất, chất lượng mía để tăng khả năng cạnh tranh của đường Việt Nam; quy hoạch vùng sản xuất, thâm canh tăng năng suất sản đáp ứng nguyên liệu chế biến tinh bột và sản xuất Etanol...

Đẩy nhanh tiến độ và sớm hoàn thiện các quy hoạch vùng trồng sản nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học; Quy hoạch sản xuất nấm; Quy hoạch sản xuất ngô toàn quốc; Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn; Quy hoạch vùng trồng cây thanh long cho phù hợp với thị trường, đảm bảo các điều kiện sản xuất hiệu quả, bền vững. Ưu tiên tập trung tái canh cà phê, điều để duy trì năng suất, sản lượng; tập trung thâm canh tăng năng suất Chè; ổn định diện tích Cao su, hướng dẫn nông dân chăm sóc, khai thác hợp lý, giảm giá thành nhằm duy trì vườn cây trong điều kiện giá mủ còn thấp.

Mở rộng diện tích, thâm canh, rải vụ, tăng năng suất, chất lượng và an toàn thực phẩm đối với các cây ăn quả có thị trường tiêu thụ, trong đó tập trung vào các loại cây ăn quả chủ lực (như thanh long, xoài, sầu riêng, nhãn, chôm chôm, vải, chuối...).

1.2. Chăn nuôi

Tập trung thực hiện Tái cơ cấu ngành chăn nuôi (theo Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN ngày 09/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT), trong đó sẽ xây dựng, triển khai một số chương trình, đề án phục vụ tái cơ cấu ngành chăn nuôi như: “Phát triển chăn nuôi lợn thịt theo hướng an toàn dịch bệnh gắn với giết mổ, chế biến và định hướng xuất khẩu”, “Đề án xây dựng vùng chăn nuôi bò thịt” và các chính sách khuyến khích, hỗ trợ người chăn nuôi.

Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tập trung tăng cường các biện pháp quản lý chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, trong đó có các loại thức ăn bổ sung và chất cấm sử dụng trong chăn nuôi. Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình nhập lậu gia súc, gia cầm nhằm ổn định thị trường, bảo vệ sản xuất trong nước.

Tập trung chỉ đạo các biện pháp giám sát, chủ động phòng chống dịch bệnh; tiếp tục triển khai Chương trình hành động về vệ sinh ATTP, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

Chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo ổn định sản xuất chăn nuôi trong mùa mưa, bão; phòng chống nắng nóng cho gia súc, gia cầm trong vụ Hè thu 2016 và phòng chống đói, chống rét cho đàn trâu, bò trong Vụ Đông Xuân 2016-2017; chỉ đạo sát sao công tác phòng, chống dịch bệnh đối với những địa phương đang còn dịch, những địa phương không có dịch cần tập trung phát triển sản xuất, đảm bảo nguồn thực phẩm cho các dịp lễ, Tết cuối năm.

1.3. Thủy sản

Đối với nuôi trồng thủy sản: Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí hậu và kịp thời thông báo, hướng dẫn người dân về các giải pháp kỹ thuật, tổ chức sản xuất; tăng cường kiểm tra và giám sát thực hiện việc tuân thủ các quy định điều kiện về nuôi; kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào (thức ăn và con giống; chất lượng hóa chất, chế phẩm sinh học, chất xử lý cải tạo môi trường sử dụng trong nuôi trồng thủy sản). Tiếp tục triển khai áp dụng VietGAP, đẩy mạnh hài hòa công nhận lẫn nhau với các tổ chức chứng nhận khác như GSSI, GAA, ASC; tăng cường hỗ trợ mô hình chứng nhận VietGAP; kiểm tra giám sát các tổ chức chứng nhận VietGAP

Chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu đối tượng nuôi, ưu tiên các đối tượng chủ lực như tôm nước lợ, cá tra, rô phi, nhuyễn thể. Tập trung đẩy mạnh sản xuất tôm và công tác phòng chống dịch bệnh trên tôm nuôi nước lợ, ngao; tăng cường công tác quan trắc môi trường phục vụ NTTS.

Hoạt động khai thác thủy sản: Tiếp tục theo dõi sát tình hình sản xuất, an ninh trên biển, hướng dẫn ngư dân các biện pháp phòng tránh rủi ro và động viên, bảo vệ ngư dân khai thác trên biển; tiến hành kiểm tra việc đăng ký, đăng kiểm tàu và tình hình thực hiện các quy định về khai thác trên vùng biển chủ quyền;

Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ khẩn cấp đối với 4 tỉnh miền Trung về hiện tượng cá chết (theo Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 09/5/2016) và hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương thực hiện một số chính sách khôi phục, phát triển sản xuất thủy sản và ổn định đời sống ngư dân.

Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển khai thác xa bờ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2030; Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tổ chức lại khai thác hải sản (theo quyết định số 375/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ); Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 và Quyết định số 38/2013/QĐ-TTg ngày 27/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải trên các vùng biển xa. Tiếp tục chỉ đạo công tác tổ chức lại sản xuất trên vùng biển xa bờ theo mô hình tổ, đội sản xuất nhằm hỗ trợ ngư dân khai thác an toàn, hiệu quả và để ngư dân đủ điều kiện được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định.

Tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia quản lý năng lực khai thác hải sản (theo Quyết định số 787/QĐ-BNN-TCTS ngày 21/4/2014); tiếp tục triển khai hoạt động kiểm ngư để kiểm tra, kiểm soát trên các vùng biển theo kế hoạch; tổ chức trực, tiếp nhận thông tin đường dây nóng phục vụ chỉ huy điều hành và xử lý kịp thời tình hình diễn biến trên biển. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Cảnh sát biển và các lực lượng khác bảo vệ ngư dân, đồng thời tuyên truyền, xua đuổi tàu các phương tiện của nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam.

1.4. Lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai mạnh Quyết định số 57/QĐ-TTg, ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020, Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020; đôn đốc, chỉ đạo các địa phương hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2016, đặc biệt là việc huy động các nguồn vốn để triển khai trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, trồng rừng thay thế và thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2016.

Hoàn thiện, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

Tăng cường công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về

bảo vệ và phát triển rừng; tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các điểm nóng về phá rừng trái phép và vận chuyển, chế biến lâm sản trái phép.

Tham mưu triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ cho các công ty lâm nghiệp khi thực hiện dừng khai thác rừng tự nhiên; tổ chức thực hiện việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30/NQ-TW của Bộ Chính trị; đôn đốc, triển khai thực hiện kế hoạch quản lý dăm gỗ giai đoạn 2015-2020 nhằm giảm khối lượng dăm gỗ xuất khẩu, góp phần giải quyết nhu cầu gỗ lớn cho chế biến, nâng cao giá trị gia tăng trong trồng rừng.

1.5. Phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn

Phối hợp với các đơn vị, địa phương chỉ đạo phát triển chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối theo hướng bền vững, tăng giá trị gia tăng của sản phẩm theo chuỗi từ khâu sản xuất nguyên liệu đến bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Theo dõi nắm chắc tình hình sản xuất, chế biến nông sản để có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo, điều hành kịp thời; ổn định cung cầu, nhất là các mặt hàng: gạo, đường, muối. Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm” phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương...

2. Cải cách hành chính – cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, phát triển thị trường

Tiếp tục thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, triển khai Kế hoạch CCHC nhà nước cụ thể của Bộ giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ thực thi các nhiệm vụ; tiếp tục rà soát cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là xây dựng, ban hành và áp dụng quy trình ISO hoá trong giải quyết công việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh và đầu tư, hoàn thiện thể chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành.

Triển khai nghiêm và hiệu quả Nghị quyết 19/2016/NQ-CP, các Nghị quyết 19/2015 và 2014, các kế hoạch hành động của Bộ thực hiện các Nghị quyết này; hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành Nghị định điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.

Theo dõi sát diễn biến cung, cầu thị trường trong nước và thế giới; nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường để đảm bảo tiêu thụ kịp thời, hiệu quả nông, thủy sản cho nông dân; trước mắt, đối với lúa Hè Thu, cá tra, tôm, thịt lợn, gia cầm, đường, mía....

Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Chính phủ hỗ trợ nông dân theo hướng hỗ trợ chi phí sản xuất (trợ giống, chi phí bơm, tưới, lãi suất vay ngân hàng,...) để tháo gỡ khó khăn, phát triển sản xuất.

Nắm rõ tình hình xuất nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản; nghiên cứu kỹ các thị trường lớn để đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích xuất khẩu; đặc biệt trong bối cảnh các hoạt động thương mại tự do đã có hiệu lực và chuẩn bị khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

Đồng thời, rà soát, áp dụng các biện pháp để khuyến khích người dân tăng tiêu thụ các sản phẩm trong nước, củng cố niềm tin đối với thị trường trong nước

3. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình phát triển nông thôn và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 và các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình MTQG xây dựng NTM trong giai đoạn 2016-2020. Tập trung hoàn thiện Khung kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020: Trình Thủ tướng CP phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình giai đoạn 2016 – 2020; xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2016-2020; đẩy nhanh công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp từ Trung ương đến địa phương. Tiếp tục triển khai xây dựng các mô hình về phát triển sản xuất gắn với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại một số địa phương, nhất là các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung chỉ đạo các tỉnh, thành phố xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra các địa phương thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Xây dựng văn bản hướng dẫn về hỗ trợ phát triển sản xuất chương trình MTQG giảm nghèo 2016-2020; xây dựng kế hoạch chi tiết các mô hình giảm nghèo triển khai ở các địa phương. Kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện hỗ trợ sản xuất thuộc chương trình 135, 30a của địa phương. Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện bố trí dân cư các xã biên giới Việt - Trung theo Quyết định 570/QĐ-TTg ngày 17/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg với trọng tâm là các vùng có nguy cơ cao về thiên tai, vùng biên giới, ổn định dân di cư tự do.

4. Công tác thủy lợi, phòng chống lụt bão và xây dựng cơ bản

Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, lượng mưa, mực nước các sông suối, lượng trữ của các hồ chứa; chỉ đạo phòng chống hạn hán, úng ngập phục vụ sản xuất đạt hiệu quả; đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ, giảm ngập lụt cho vùng hạ du các lưu vực sông.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển thủy lợi, Chiến lược phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; rà soát đánh giá thực hiện Chương trình nâng

cấp đê sông, đê biển; Chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tập trung triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành và lĩnh vực thủy lợi; tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch thủy lợi phục vụ Tái cơ cấu; thực hiện tốt các cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi.

Thực hiện nghiêm chế độ trực ban phòng chống lụt bão trên cả nước; tăng cường kiểm tra, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo an toàn hệ thống đê điều trong mùa mưa lũ; giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật đê điều và phòng chống lụt bão; đẩy nhanh tiến độ rà soát và phân cấp đê làm cơ sở tổ chức lực lượng quản lý đê thống nhất trên phạm vi cả nước.

Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình theo các quy định tại Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình; kịp thời hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình, hạng mục quan trọng, cấp bách.

5. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp và an toàn vệ sinh thực phẩm

Tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động thực hiện năm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Đề án kiểm soát, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất, Đề án tăng cường quản lý chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp liên kết sản xuất đảm bảo ATTP nông lâm thủy sản theo chuỗi và truyền thông quảng bá tới người tiêu dùng về chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn và địa chỉ bán sản phẩm được chứng nhận/xác nhận an toàn. Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện tốt hoạt động giám sát ATTP; kiểm tra, phân loại 100% số cơ sở được thống kê, kiểm tra định kỳ đúng theo quy định tại Thông tư “45”, cập nhật, công khai kết quả xếp loại trên phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch và đột xuất đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản. Triển khai mở rộng Chương trình phối hợp phát triển chuỗi cung cấp rau, thịt cho Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng chuỗi thực phẩm an toàn cho 4 thành phố lớn (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng).

6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển HTX, kinh tế hợp tác; nhân rộng hình thức hợp tác liên kết sản xuất theo chuỗi gắn với tiêu thụ nông sản trong sản xuất nông nghiệp. Tổ chức triển khai Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/3/2016 phê duyệt đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2020”.

Tập trung chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện Phương án tổng thể sắp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa và thoái vốn tại các doanh nghiệp. Tiếp tục chỉ đạo triển khai Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2015-2016 và Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

7. Tăng cường hoạt động nghiên cứu, chuyển giao KHCN và đào tạo nguồn nhân lực

Tiếp tục thực hiện kế hoạch thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành; tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành. Hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành chính sách về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào nghiên cứu và ứng dụng KHCN. Rà soát ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quản lý.

Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo nhân lực phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý, nhất là cơ chế tài chính phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, tập trung tạo ra sự chuyển biến rõ nét, trên diện rộng đối với các loại sản phẩm chính; từng bước xã hội hóa công tác khuyến nông.

Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp (đề án 1956); triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và PTNT”, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015 (theo Quyết định số 819/BNN-TCCB ngày 26/3/2012); Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện theo Đề án tái cơ cấu (theo Quyết định số 2585/BNN-TCCB ngày 31/10/2013), Kế hoạch của Bộ thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, vận động và kêu gọi các nhà tài trợ tham gia hỗ trợ thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành, các Chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan đến phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, đặc biệt hỗ trợ hạn hán ở miền Trung - Tây Nguyên và xâm nhập mặn ở ĐBSCL. Tổ chức các diễn đàn xúc tiến thương mại và đầu tư tại một số thị trường nước ngoài trọng yếu, tham gia các Hội chợ nông sản quốc tế để xúc tiến

thương mại và xúc tiến đầu tư, tìm thị trường mới thúc đẩy xuất khẩu rau quả, nông sản, thủy sản.

Hoàn thiện và ban hành Thông tư về vận động, quản lý ODA, PCPNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT (thay thế Thông tư 49); Đề án “Cử đại diện nông nghiệp Việt Nam tại nước ngoài”; hoàn thiện Nghị định của Chính phủ về chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp; trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đến năm 2030..

Tập trung công tác rà soát pháp lý đối với các FTAs đã kết thúc đàm phán và chuẩn bị các phương án cho các FTAs đang tiến hành đàm phán; đẩy mạnh công tác giám sát việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm là thành viên của các tổ chức quốc tế như WTO, ASEAN, FTAs và các cam kết, điều ước quốc tế, ... đồng thời chuẩn bị nguồn lực và cơ sở pháp lý tham gia giải quyết các vụ tranh chấp thương mại và bảo hộ nông sản hợp pháp, chống gian lận thương mại.

Tham gia đầy đủ và tích cực vào các nhóm công tác, diễn đàn trong khuôn khổ hợp tác APEC năm 2016 tại Peru để chuẩn bị cho việc đăng cai các sự kiện năm 2017 của APEC tại Việt Nam.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương với EU, châu Mỹ, châu Phi, Mỹ La tinh, Nhật để chuẩn bị các dự án cam kết trong giai đoạn tới và tham gia các kỳ họp các Ủy ban liên Chính phủ giữa Việt Nam với các nước...

9. Công tác kế hoạch – tài chính

Tiếp tục theo dõi sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về công tác chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch và các Chương trình của Bộ;

Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định 136/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công; Chỉ thị 14/CT-TTg về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và các quy định hiện hành khác liên quan đến đầu tư XD CB; thực hiện tái cơ cấu đầu tư để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Hoàn thiện Kế hoạch phát triển ngành và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 sau khi Quốc hội phê chuẩn.

Tiếp tục đổi mới xây dựng và giám sát thực hiện kế hoạch; hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển ngành và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

Tiếp tục phê duyệt và tổng hợp quyết toán năm 2015; thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành theo thời hạn; kiểm tra công tác quản lý tài chính, kế toán theo kế hoạch; tổng hợp quyết toán hoàn thành 6 tháng đầu năm và cả năm 2016 đúng hạn....

10. Nâng cao năng lực, thể chế quản lý ngành

- *Xây dựng văn bản pháp luật:* Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thành các Chương trình, đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã đăng ký, đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

- *Kiến toàn tổ chức ngành, nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý:* Tiếp tục chỉ đạo việc kiện toàn, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Ngành.

- *Công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng:* Nghiêm túc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng. Triển khai các cuộc thanh tra chủ động, thanh tra đột xuất.

- *Củng cố và nâng cấp hệ thống thông tin:* Tiếp tục kiện toàn hệ thống thông kê ngành. Tiếp tục tăng cường năng lực cho công tác dự báo để thường xuyên cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về sản xuất, thiên tai, thị trường phục vụ công tác điều hành, quản lý và sản xuất kinh doanh.

Tóm lại: Nhiệm vụ còn lại của ngành nông nghiệp và PTNT từ nay đến hết năm là rất lớn trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, khả năng phục hồi chậm, biến đổi khí hậu được dự báo sẽ tiếp tục gây nên những hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai khó lường. Vì vậy, rất cần sự quyết tâm, nỗ lực của các cơ quan, đơn vị, các cấp, ngành với các chính sách, giải pháp toàn diện để hoàn thành kế hoạch năm 2016, đóng góp vào tăng trưởng chung của cả nước và bảo đảm an sinh xã hội./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT